

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày: 07 - 9 - 2023

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Mậu Hiệu và ông Trương Hải Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký viên chính, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Thôn Th, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Số 02, đường Nguyễn Hữu Th, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (theo Giấy ủy quyền lập ngày 23/6/2023 có chứng thực của Văn phòng công chứng H; địa chỉ: Số 160, đường L, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; số chứng thực 997, quyền số 01-SCT/CK, ĐC ngày 26/3/2023), ông L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có nội dung như sau:

Xuất phát từ mối quan hệ bà con (là Bác - Cháu), ngày 02/6/2021, bà Nguyễn Thị Bích Th (bác) cho chị Trần Thị L (cháu) sinh năm 1977 địa chỉ thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình vay số tiền 3.458.000.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm, năm mươi tám triệu đồng). Việc vay tiền được thể hiện bằng “Giấy mượn tiền” ngày 02/6/2021; hai bên thoả thuận thời hạn vay tiền là một năm kể từ ngày 02/6/2021

đến ngày 02/6/2022 (chậm nhất) chị L phải có nghĩa vụ hoàn trả đủ số tiền đã vay cũng như lãi suất phát sinh. Tuy nhiên, từ ngày 02/6/2022 đến nay chị L không chịu trả khoản tiền trên, bà Th nhiều lần liên hệ và gặp gỡ chị L để yêu cầu chị L trả khoản tiền đã vay nhưng chị L vẫn chây ỳ không chịu trả nợ. Lý do chị L không trả tiền đúng hạn theo bà Th trình bày: Chị L cho rằng do tình hình dịch bệnh nên chưa có tiền trả và xin không trả tiền lãi chỉ trả tiền gốc. Bà Th chấp nhận và chị L đã ghi lại giấy mượn tiền, qua hai lần ghi nợ chị L đều xác nhận số tiền nợ gốc là: 3.458.000.000 đồng (ba tỷ, bốn trăm, năm mươi tám triệu đồng chẵn). Chị L xin tiền lãi và hứa trả tiền gốc theo đợt 2 vào ngày 30 tháng 12 năm 2022, nhưng chị L không trả. Bà Th nghe thông tin chị L có ý đi nước ngoài định cư, nên bà Th làm đơn khởi kiện yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ trả khoản tiền nợ 3.458.000.000 đồng (ba tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu đồng), không tính lãi.

Theo bà Thủy thì số tiền chị L vay: 3.458.000.000 đồng (ba tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu đồng) thời hạn từ ngày 02/6/2021 đến hết ngày 02/6/2022 được ghi trong “Giấy mượn tiền” là xuất phát từ nhiều lần vay. Các lần vay tiền chị L chỉ ghi và ký tên. Đến khi bà Th và chị L thấy nhiều tờ giấy vay tiền phức tạp cất giữ khó, nên chị L đã đồng ý và thống kê ghi lại một tờ giấy vay tiền, mỗi bên giữ một bản. Giấy vay tiền được ghi vào ngày 02/6/2021 và hứa trả đúng hạn 02/6/2022.

Đối với việc chị L cho rằng bà Th uy hiếp chị L. Theo bà Ty trình bày: Đây là sự vu khống, hoàn toàn không đúng sự thật, vì giữa bà Thủy và chị L là bác, cháu, nên khi con bà Th và con của chị L cưới vợ vào ngày 18/7/2022 và ngày 19/7/2022, hai bên đều trao quà cho nhau. Thậm chí bà Th còn chạy xoay tiền để chị L đáo hạn cùng ngày tại ngân hàng Vietinbank ngày 12/12/2022.

Việc vay tiền theo trình bày của bà Th còn được bà lưu tại hai cuộc ghi âm kín trao đổi giữa bà Th và chị L, được bà Th yêu cầu Văn phòng Thừa phát lại Đồng Hới lập vi bằng, đã giao nộp cho Tòa án. Theo bà Th mặc dù trong quá trình vay tiền nhiều lần, giữa bà Thủy và chị L có thỏa thuận tiền lãi nhưng thực tế chị L không trả tiền lãi và bà Th cũng chưa bao giờ nhận một đồng lãi nào từ chị L. Việc tính lãi trên giấy tờ chỉ nhằm mục đích gán trách nhiệm nghĩa vụ của chị L trong việc trả tiền gốc đã mượn, bởi xuất phát quan hệ Bác - Cháu, khi cháu cần vốn bà Th là bác có giúp cháu vay tiền làm ăn. Trong quá trình vay tiền, bà Th không yêu cầu chị L trả lãi, nhưng đến phiên tòa ngày hôm nay bà Th đề nghị Tòa án buộc chị L trả lại số tiền gốc 3.458.000.000 (ba tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo Ngân hàng nhà nước quy định, với lãi suất như bà Th hiện đang vay vốn tại ngân hàng Vietinbank Lê Thủy Quảng Bình.

* Bị đơn chị Trần Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày như sau: Chị L cho rằng vào khoảng năm 2017 chị Trần Thị L có vay tiền của bà Nguyễn Thị Bích Th với số tiền nhận qua nhiều lần chỉ là 01 tỷ đồng, lãi mỗi tháng là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Chị L có chuyển khoản trả tiền lãi cho bà Thủy là 20 triệu, 30 triệu, 40 triệu và số còn nợ lại chị L cộng vào tiền gốc, vài ba tháng thì chị L viết giấy nợ cho bà Th lãi cộng vào gốc, đến khoảng năm 2019 tiền lãi lên đến 80 triệu mỗi tháng. Chị L chuyển tiền lãi tăng dần 40 triệu, 50 triệu, 60 triệu và cứ như vậy

đến năm 2021 bà Th thấy chị L kiệt sức và không có khả năng thanh toán, nên bà Th có ghi một tờ giấy nợ gồm 3.458.000 000 đồng (Ba tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu đồng) và đưa người sang bắt chị L phải ký vào giấy nợ với số tiền 3.458.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu đồng). Trong lúc thân cô thế cô buộc chị L phải ký vào giấy nợ không là bà cho người chém giết. Vì quá hoảng loạn nên chị L phải ký vào giấy nợ xin không trả lãi còn gốc trả dần dần và từ đó bà Th ngày nào cũng sang và có người đi kèm. Theo chị L thì do chị một thân một mình nên phải bỏ nhà đi từ năm 2022 và không dám về nhà ở, chỉ thỉnh thoảng ghé vào nhà rồi đi, chị L chỉ chấp nhận trả số tiền vay gốc này với kỳ hạn bắt đầu từ tháng 4 năm 2024 với mức hàng tháng là 20 triệu trả cho đến lúc hết nợ với mong muốn của chị L là không ràng buộc sự tự do đi lại làm ăn của chị L.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục hòa giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng không thành, các bên vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Th khởi kiện yêu cầu bị đơn Trần Thị L phải trả số tiền vay 3.458.000.000 đồng là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, không tính lãi là tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Theo trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thì nội dung tranh chấp như sau: Ngày 02/6/2021 bà Nguyễn Thị Bích Th cho chị Trần Thị L vay số tiền 3.458.000.000 đồng (ba tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu đồng) thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 02/6/2021 đến hết ngày 02/6/2022. Sau đó các bên thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 30/12/2022. Nội dung vay mượn tiền này được thể hiện tại “Giấy mượn tiền” ngày 02/6/2021, nội dung ghi trong “Giấy mượn tiền” theo thừa nhận của chị L là do chị L viết và ký tên, trong “Giấy mượn tiền”, có nội dung chị Loan ghi và thừa nhận đã nhận đủ số tiền ghi trong giấy (3.458.000.000 đồng), thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 02/6/2021. Sau đó ngày 30/12/2022 chị L ghi xác nhận thêm trong “Giấy mượn tiền” nêu trên, tiền lãi theo lãi suất nhiều mức: 1,7%, 1,5%, 01%/tháng và số lãi từ lúc vay đến tháng 12/2022 là 722.770.000 đồng, chị L ghi nội dung “do hoàn cảnh khó khăn nên xin không trả lãi, chỉ trả số tiền gốc”. Theo trình bày của bà Th thì bà Th đã chấp nhận không thu tiền lãi từ phía chị L, chỉ yêu cầu trả tiền gốc, nhưng chị L cũng không trả số tiền gốc như cam kết cho đến nay.

[4]. Xét việc vay số tiền 3.458.000.000 đồng giữa các bên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc vay tiền giữa hai bên được thể hiện bằng văn bản “Giấy mượn tiền” đề ngày 02/6/2021. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị L sau khi được trực tiếp xem đã thừa nhận chữ viết và chữ ký trong “Giấy mượn

tiền” đề ngày 02/6/2021 là do mình viết và ký. Tuy nhiên, chị L khai rằng thực tế chị L chỉ vay số tiền 01 tỷ đồng từ năm 2017, mỗi tháng tiền lãi là 50 triệu đồng và đã trả được một thời gian có tháng trả 20 triệu, có tháng trả 30 triệu và 40 triệu, số còn lại vài ba tháng lại cộng dồn vào tiền gốc và ghi giấy nợ. Đến năm 2019 khi tiền lãi lên đến 80 triệu, mỗi tháng chị L chuyển trả số tiền lãi tăng dần lên 40, 50, 60 triệu. Đến năm 2021 chị L không có khả năng trả nên bà Th ghi giấy nợ số tiền 3.458.000.000 đồng và cho người đưa sang đe dọa bắt chị L ký. Phía nguyên đơn bà Th không đồng ý với lời trình bày của bị đơn chị L và cho rằng việc vay mượn tiền của chị L diễn ra thời gian trước đó, vay nhiều lần, xuất phát từ việc kết hợp làm ăn và có quan hệ họ hàng Bác - Cháu, sau đó hai bên đối chiếu công nợ chị L thừa nhận số tiền còn nợ và ngày 02/6/2021 chị Loan mới viết “Giấy mượn tiền” với số tiền vay 3.458.000.000 đồng và sau đó chị L còn ghi bổ sung xác nhận tiền còn nợ và xin không trả lãi.

[5]. Như vậy, qua thừa nhận của các bên, xem xét nội dung trong “Giấy mượn tiền” ngày 02/6/2021, cùng các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định việc bà Th cho chị L vay số tiền vay 3.458.000.000 đồng là có căn cứ, đúng thực tế. Việc chị Loan vay tiền bà Thủy được diễn ra nhiều đợt như bà Th và chị L trình bày, sau đó hai bên đối chiếu các lần vay, số nợ và chị viết giấy vay các lần cộng lại vào ngày 02/6/2021, với số tiền vay là 3.458.000.000 đồng. Sau đó chị L còn viết bổ sung xác nhận số tiền còn nợ, tiền lãi và xin không trả tiền lãi. Việc chị L trình bày có trả tiền lãi cho bà Th thời gian trước đó, nhưng bà Th không thừa nhận và chị L cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc chị L trả lãi các lần cho bà Th như trình bày của chị L.

[6]. Tại phiên tòa xét xử, chị L yêu cầu Tòa án tạm ngưng phiên tòa để chị Loan có thời gian yêu cầu các chi nhánh ngân hàng trên địa bàn sao kê tài khoản chứng minh việc chị L trả tiền cho bà Thủy qua tài khoản ngân hàng. Phía nguyên đơn bà Thủy cũng đồng ý để cùng sao kê tài khoản của mình mở tại các ngân hàng trên địa bàn để chứng minh từ hai phía và bà Th có ý kiến đề nghị nếu qua sao kê tài khoản có khoản tiền nào chị L chuyển vào tài khoản của bà Th từ sau ngày 30/12/2022 thì bà Thủy sẽ chấp nhận trừ cho chị L trong tổng số tiền còn nợ. Hội đồng xét xử đã chấp nhận tạm ngưng phiên tòa để các đương sự thu thập thêm chứng cứ. Sau khi có kết quả sao kê tài khoản của các ngân hàng do chị L, bà Th giao nộp cho Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử qua nghiên cứu các bảng sao kê tài khoản từ các ngân hàng do các đương sự cung cấp thấy rằng: Từ ngày 30/12/2022 (là ngày chị L viết vào trang cuối “Giấy mượn tiền” xác nhận tiền lãi từ lúc vay cho đến nay và đề nghị do hoàn cảnh khó khăn nên xin không trả lãi, chỉ trả số tiền gốc) cho đến thời điểm hiện nay, kết quả sao kê tài khoản của chị L thể hiện không phát sinh việc chuyển tiền từ tài khoản của chị L sang tài khoản của bà Th. Điều đó chứng tỏ rằng từ ngày 30/12/2022 cho đến nay chị L không có bất kỳ khoản tiền nào trả nợ cho bà Th qua hệ thống chuyển khoản Ngân hàng để trả khoản nợ nêu trên như chị L trình bày.

[7]. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định được khoản tiền 3.458.000.000 đồng chị L vay của bà Th được thể hiện tại nội dung “Giấy mượn tiền” từ ngày

02/6/2021 cho đến nay chị L chưa trả cho bà Th. Như vậy, chị L là bên vay tiền đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thời hạn các bên thỏa thuận tại “Giấy mượn tiền” ngày 02/6/2021, trong đó thời hạn trả tiền vay các bên thỏa thuận chậm nhất đến ngày 02/6/2022. Do bị đơn chị L vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ số tiền vay này là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tại phiên tòa bà Thủy đề nghị chị Loan phải trả thêm khoản tiền lãi theo lãi suất ngân hàng trong quá trình vay tiền. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại đơn khởi kiện và trước khi Tòa án mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Th chỉ yêu cầu bị đơn chị L trả số tiền gốc đã vay là 3.458.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn mới bổ sung yêu cầu này là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định của Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 229, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Th.
2. Buộc bị đơn chị Trần Thị L phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Th số tiền vay gốc 3.458.000.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm, năm mươi tám triệu đồng).
3. Án phí dân sự sơ thẩm:
 - Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 50.580.000 đồng theo Biên lai số 31AA/2021/0004602 ngày 09/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.
 - Bị đơn chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 101.160.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/9/2023), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải